

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

- Chủ đầu tư: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Hà Nội .
- Tên gói thầu: Gói thầu 1: Mua phân bón để thực hiện mô hình thử nghiệm SRI cải tiến nâng cao (SRI kết hợp cấy máy) theo hướng hữu cơ giảm phát thải.
- Dự toán mua sắm: Kế hoạch Thực hiện hệ thống thâm canh cải tiến (SRI) nâng cao giảm phát thải và quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp.
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước năm 2026
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II +III/2026.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II/2026
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện gói thầu: 150 ngày.

1.2. Yêu cầu kỹ thuật về hàng hóa và lắp đặt

1.2.1 Yêu cầu chung

Cung cấp các tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hoá:

Một trong các tài liệu: Catalogue hoặc Tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất hoặc đơn vị nhập khẩu hoặc đại lý phân phối chính thức tại Việt Nam để chứng minh hàng hóa đề xuất đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT. Catalogue sản phẩm ghi rõ trên tem nhãn, tên thương phẩm, hàm lượng được đăng ký cơ quan có thẩm quyền. Nếu Catalogue, tài liệu kỹ thuật không có đầy đủ thông số theo yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu phải có xác nhận về thông số kỹ thuật hàng hoá của nhà sản xuất hoặc đơn vị nhập khẩu hoặc nhà phân phối chính thức tại Việt Nam để chứng minh.

- Hàng hoá nhập khẩu: Cam kết cung cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O); Cam kết cung cấp Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q) hoặc các giấy tờ có tính chất và giá trị tương đương khác đáp ứng yêu cầu E-HSMT khi cung cấp hàng hóa (không bao gồm phụ kiện).

- Hàng hoá sản xuất, gia công trong nước hoặc hàng hoá sản xuất, gia công ở ngoài nước nhưng đã được chào bán tại Việt Nam phải có đầy đủ các tài liệu chứng minh sự đáp ứng của hàng hoá theo yêu cầu của E-HSMT. Đóng gói, vận chuyển và lưu kho: Hàng hóa phải được bảo vệ một cách thích hợp chống các hư hỏng có thể xảy ra khi vận chuyển, lưu kho từ nơi sản xuất đến bên mua, đóng gói nguyên đai nguyên kiện.

- Nhà thầu có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất/buôn bán phân bón, Giấy chứng nhận đăng ký thuốc BVTV còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu

- Quyết định lưu hành phân bón của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

- Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy hàng hóa của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

- Nhà thầu cung cấp bảng tuyên bố đáp ứng kỹ thuật Mục 3 Chương III HSMT kèm theo E-HSDT theo mẫu sau:

STT	Tên hàng hóa/ chỉ tiết kỹ thuật theo yêu cầu của E-HSMT	Đáp ứng của nhà thầu (Chỉ tiêu kỹ thuật của hàng hóa chào thầu)	Tài liệu chứng minh (Tên tài liệu, Chỉ số mục, số trang dẫn chiếu)

1.2.2 Yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa

Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật dưới đây để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng "tương đương" hoặc "ưu việt hơn" so với các yêu cầu tối thiểu.

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Phân hữu cơ vi sinh	Chất hữu cơ $\geq 15\%$; VSV $\geq 1 \times 10^6$ CFU/g (cố định đạm. phân giải lân. phân giải xenlulo); độ ẩm $\leq 30\%$; (theo Thông tư số 09/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/8/2019) 833,1kg/ha x 50ha = 41.655 kg Nước sản xuất: Đông Nam Á hoặc tương đương Năm sản xuất: 2025-2026
2	Phân đạm hữu cơ sinh học	Đạm tổng số (Nts) $\leq 18\%$; Chất hữu cơ: $\geq 10\%$; Axit humic (C) $\geq 2\%$; Độ ẩm $\leq 10\%$; PhH ₂ O: ≥ 5 ; (theo Thông tư số 09/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/8/2019) 222,2kg/ha x 50ha = 11.110 kg Nước sản xuất: Đông Nam Á hoặc tương đương Năm sản xuất: 2025-2026

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
3	Phân hữu cơ sinh học đa lượng	Chất hữu cơ $\geq 15\%$; Nts $\geq 5\%$; K_2O $\geq 8\%$; Axit humic hoặc fulvic $\geq 2\%$; Độ ẩm $\leq 25\%$; PhH_2O : ≥ 5 ; (theo Thông tư số 09/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/8/2019) 277,7kg/ha x 50 ha = 13.885 kg Nước sản xuất: Đông Nam Á hoặc tương đương Năm sản xuất: 2025-2026

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ kèm theo.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

3.1. Kiểm tra chủng loại, số lượng đồng bộ kèm theo, nhãn mác, nguồn gốc xuất xứ, thiết bị theo quy định tại HSMT.

3.2. Cung cấp tài liệu kiểm nghiệm đối với lô hàng cung cấp cho gói thầu bởi cơ quan chức năng có thẩm quyền sau khi ký hợp đồng.

3.3. Kiểm tra tài liệu giấy tờ kèm theo để chứng minh tính hợp lệ:

+ Hóa đơn tài chính điện tử theo đúng quy định của Bộ Tài chính;

+ Giấy chứng nhận xuất xứ (CO), Giấy chứng nhận chất lượng (CQ) của nhà sản xuất (Bản gốc hoặc bản sao công chứng) hoặc thư xác nhận về chất lượng và xuất xứ của đại diện hãng tại Việt Nam hoặc của nhà phân phối được hãng ủy quyền tại Việt Nam đối với hàng hóa nhập khẩu hoặc các giấy tờ có tính chất và giá trị tương đương khác;

+ Giấy chứng nhận xuất xưởng với hàng hóa trong nước;

+ Phiếu bảo hành hàng hóa;

3.4. Toàn bộ chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm do nhà thầu chịu.

3.5. Cách thức xử lý đối với các hàng hóa không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm:

Trường hợp phát hiện ra bất cứ sự mất mát hư hỏng, không đúng chủng loại, không đúng chất lượng, quy cách hai bên sẽ lập biên bản. Khi đó Chủ đầu tư có quyền không nhận hàng, nhà thầu phải thực hiện việc thay thế, sửa chữa, bổ sung các khiếm khuyết này chậm nhất trong vòng 24 giờ và phải chịu mọi phí tổn cho việc cung cấp hàng thay thế, sửa chữa các sai sót phát sinh.